

BÁO CÁO THỐNG KÊ

Tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính

(Từ ngày 18/04/2025 đến ngày 24/04/2025)

(Tư ngày 18/04/2025 đến ngày 24/04/2025)

STT	Tên cơ quan	Hồ sơ kỳ trước chuyển sang	Hồ sơ tiếp nhận		Tổng hồ sơ phải xử lý	Hồ sơ xin hủy		Hồ sơ đã xử lý						Hồ sơ đang xử lý
			Phát sinh trong kỳ	Lũy kế		Phát sinh trong kỳ	Lũy kế	Phát sinh trong kỳ			Lũy kế			
								Tổng số	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số	Đúng hạn	Trễ hạn	
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)+(2)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)	(10)=(11)+(12)	(11)	(12)	(13)=(4)-(5)-(7)
1	Ban Quản lý Khu Kinh tế	1	0	7	1	0	0	1	1	0	7	7	0	0
2	Công ty CP Điện nước An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Công ty Điện lực An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Sở Công Thương	24	119	1.727	143	0	43	116	116	0	1.671	1.671	0	27
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	48	25	307	73	0	3	25	24	1	352	348	4	48
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5	17	222	22	0	13	12	12	0	215	215	0	10
7	Sở Y tế	314	112	1.118	426	4	20	71	71	0	986	980	6	351
8	Bảo hiểm Xã hội	217	291	5.991	508	0	0	332	332	0	6.080	6.080	0	176
9	Công an tỉnh	16.995	1.763	36.943	18.758	0	62	1.042	1.042	0	29.883	29.794	89	16.921
10	Sở Xây dựng	175	157	1.468	332	10	84	184	184	0	1.442	1.436	6	138
11	Sở Tài chính	71	152	4.010	223	0	0	167	167	0	4.029	4.029	0	56
12	Sở Tư pháp	35	22	123	57	0	8	18	18	0	99	96	3	39
13	Sở Khoa học và Công nghệ	12	3	46	15	0	0	12	12	0	47	47	0	3
14	Sở Nông nghiệp và Môi trường	157	78	579	235	2	24	95	94	1	417	408	9	138
15	Sở Nội vụ	23	6	312	29	0	20	18	18	0	300	300	0	11
	Tổng cộng	18.077	2.745	52.853	20.822	16	277	2.093	2.091	2	45.528	45.411	117	17.918

Người lập

Phan Thị Như Huỳnh



Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thanh Hùng

BÁO CÁO THỐNG KÊ
Tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính
(Từ ngày 18/04/2025 đến ngày 24/04/2025)

STT	Tên cơ quan	Hồ sơ kỳ trước chuyển sang	Hồ sơ tiếp nhận								Hồ sơ xin hủy		Hồ sơ đã xử lý								Hồ sơ đang xử lý	
			Tổng hồ sơ phát sinh trong kỳ	Phát sinh trong kỳ			Lũy kế				Tổng hồ sơ phải xử lý	Phát sinh trong kỳ	Lũy kế	Phát sinh trong kỳ				Lũy kế				
				Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	Tổng số	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4				Tổng số	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	Tổng số	Mức độ 2	Mức độ 3		Mức độ 4
A	B	(1)	(2)=(3)+(4)+(5)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)+(9)	(7)	(8)	(9)	(10)=(1)+(2)	(11)	(12)	(13)=(14)+(15)+(16)	(14)	(15)	(16)	(17)=(18)+(19)+(20)	(18)	(19)	(20)	(21)=(10)-(11)-(13)
1	Ban Quản lý Khu Kinh tế	1	0	0	0	0	7	0	2	5	1	0	0	1	0	0	1	7	0	2	5	0
2	Công ty CP Điện nước An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Công ty Điện lực An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Sở Công Thương	24	119	0	0	119	1.727	0	12	1.715	143	0	43	116	0	0	116	1.671	0	11	1660	27
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	48	25	0	0	25	307	0	19	288	73	0	3	25	0	0	25	352	0	74	278	48
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5	17	0	0	17	222	0	4	218	22	0	13	12	0	0	12	215	0	6	209	10
7	Sở Y tế	314	112	0	0	112	1.118	0	31	1.087	426	4	20	71	0	0	71	986	0	53	933	351
8	Bảo hiểm Xã hội	217	291	209	0	82	5.991	3.655	0	2.336	508	0	0	332	249	0	83	6.080	3.601	0	2.479	176
9	Công an tỉnh	16.995	1.763	1.025	738	0	36.943	24.053	11.577	1.313	18.758	0	62	1.042	314	728	0	29.883	18.376	10.053	1.454	16.921
10	Sở Xây dựng	175	157	59	30	68	1.468	680	316	472	332	10	84	184	86	35	63	1.442	680	237	525	138
11	Sở Tài chính	71	152	4	148	0	4.010	132	3.878	0	223	0	0	167	0	167	0	4.029	82	3.947	0	56
12	Sở Tư pháp	35	22	0	11	11	123	0	22	101	57	0	8	18	0	3	15	99	0	12	87	39
13	Sở Khoa học và Công nghệ	12	3	0	0	3	46	0	0	46	15	0	0	12	0	0	12	47	0	0	47	3
14	Sở Nông nghiệp và Môi trường	157	78	0	67	11	579	8	435	136	235	2	24	95	1	68	26	417	7	292	118	138
15	Sở Nội vụ	23	6	0	0	6	312	0	2	310	29	0	20	18	0	0	18	300	0	1	299	11
Tổng cộng		18.077	2.745	1.297	994	454	52.853	28.528	16.298	8.027	20.822	16	277	2.093	650	1.001	442	45.528	22.746	14.688	8.094	17.918

Người lập

Phan Thị Như Huỳnh

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thanh Hùng

VĂN PHÒNG UBND TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 25 tháng 4 năm 2025

Kết quả thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính
(Từ ngày 18/4/2025 đến ngày 24/4/2025)

STT	Đơn vị (Cơ quan)	Hồ sơ tiếp nhận						Hồ sơ đã giải quyết					
		Trong kỳ			Luỹ kế			Trong kỳ			Luỹ kế		
		Tổng số	Hồ sơ số hoá	Hồ sơ không số hoá	Tổng số	Hồ sơ số hoá	Hồ sơ không số hoá	Tổng số	Hồ sơ số hóa	Hồ sơ không số hóa	Tổng số	Hồ sơ số hóa	Hồ sơ không số hóa
A	B	(1)=(2)+(3)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)	(10)=(11)+(12)	(11)	(12)
1	Ban Quản lý Khu Kinh tế	0	0	0	7	7	0	1	1	0	7	7	0
2	Sở Công Thương	119	119	0	1.684	1.684	0	116	13	103	1.671	1.568	103
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	25	25	0	304	304	0	25	25	0	352	352	0
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	17	17	0	210	210	0	12	12	0	215	215	0
5	Sở Y tế	108	108	0	1.098	1.098	0	71	71	0	986	986	0
6	Bảo hiểm xã hội	291	291	0	5.991	5.991	0	332	332	0	6.080	6.080	0
7	Công an tỉnh	1.763	849	914	36.875	16.880	19.995	1.042	46	996	29.883	15.311	14.572
8	Sở Xây dựng	155	155	0	1.412	1.409	3	184	184	0	1.442	1.442	0
9	Sở Tài chính	152	152	0	4.010	4.010	0	167	0	167	4.029	4	4.025
10	Sở Tư pháp	22	0	22	123	101	22	18	18	0	99	99	0
11	Sở Khoa học và Công nghệ	3	3	0	46	46	0	12	12	0	47	47	0
12	Sở Nông nghiệp và Môi trường	76	76	0	555	555	0	95	88	7	417	410	7
13	Sở Nội vụ	6	6	0	292	292	0	18	17	1	300	299	1
	Tổng số	2.737	1.801	936	52.607	32.587	20.020	2.093	819	1.274	45.528	26.820	18.708

Người lập

Phan Thị Như Huỳnh

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thanh Hùng

THỐNG KÊ HỒ SƠ TRỄ HẠN CỦA TẤT CẢ SỞ, BAN, NGÀNH
(Từ ngày 18/04/2025 đến ngày 24/04/2025)

STT	Lĩnh vực	Thủ tục	Số hồ sơ	TGQĐ hồ sơ	Người đăng ký	Địa chỉ	Cán bộ tiếp nhận	Bộ phận (phòng chuyên môn) xử	Lãnh đạo / Cán bộ thực hiện trễ hạn	Ghi chú
1	Văn bản, chứng chỉ	Cấp bản sao văn bản, chứng chỉ từ sổ gốc	H01.16-250420-0001	8 giờ làm việc (Trễ hạn 3 giờ 38 phút) - Ngày giờ tiếp nhận: 21/04/2025 10:46:17 - Hạn xử lý: 22/04/2025 10:46:17 - Ngày có KQ: 22/04/2025 14:25:12	DƯƠNG VĂN CUÔNG	TÓ 22,KHÓM XUÂN PHÚ, phường Tịnh Biên, thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang	Đinh Văn Liễu - Trung tâm Phục vụ hành chính công (Bộ phận TN và TKQ Sở GD và ĐT)	Phòng Quản lý chất lượng và Giáo dục nghề nghiệp	Thụ lý Huỳnh Thị Mỹ Anh Thời gian quy định Từ 21/04/2025 10:46:37 đến 21/04/2025 16:46:37 Thời gian thực hiện 21/04/2025 16:55:21 (Trễ hạn 08 phút) K?? S??? Thị Hồng Chiến Trúc TG Qui Định 22/04/2025 07:19:49 22/04/2025 08:19:49 TG Thực Hiện 22/04/2025 14:25:12 (Trễ hạn 6 giờ 05 phút) TR??? K???T QU??? Đinh Văn Liễu TG Qui Định 22/04/2025 14:25:12 TG Thực Hiện 22/04/2025 14:39:20	Đã trả kết quả

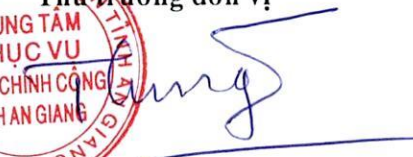
STT	Lĩnh vực	Thủ tục	Số hồ sơ	TGQH hồ sơ	Người đăng ký	Địa chỉ	Cán bộ tiếp nhận	Bộ phận (phòng chuyên môn) xử	Lãnh đạo / Cán bộ thực hiện trễ hạn	Ghi chú
2	Tài nguyên nước	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	H01.81-250312-0001	26 ngày làm việc (Trễ hạn 03 phút) - Ngày giờ tiếp nhận: 12/03/2025 08:23:42 - Hạn xử lý: 18/04/2025 08:23:42 - Ngày có KQ: 18/04/2025 08:27:23	NGUYỄN THÀNH TRÍ	Ấp Khánh Phát, xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang	Phan Thị Huyền Trân - Trung tâm Phục vụ hành chính công - Bộ phận TN và TKQ Sở Nông Nghiệp và Môi Trường	Phòng Khoáng sản, Nước và Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thẩm định Nguyễn Hữu Lộc Thời gian quy định Từ 18/03/2025 09:19:55 đến 24/03/2025 09:19:55 Thời gian thực hiện 17/04/2025 16:37:49 (Trễ hạn 17 ngày 7 giờ 17 phút) TR??? K???T QU??? Phan Thị Huyền Trân TG Qui Định 18/04/2025 08:27:23 TG Thực Hiện 23/04/2025 09:00:43	Đã trả kết quả

Người lập


Phan Thị Như Huỳnh

Thủ trưởng đơn vị




Nguyễn Thanh Hùng

BẢNG THEO DÕI LỊCH LÀM VIỆC
(Từ ngày 18/4/2025 đến ngày 24/4/2025)

*** Quy ước:**

- P: Nghi có phép (CQ: Nghi do sự điều động của cơ quan; CN: Nghi phép cá nhân)

- K: Nghỉ không phép và không có người trực thay.

- T: Đi trễ giờ

[illegible]

STT	Họ và tên	Thứ 6		Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Ngày nghỉ			Đi trễ	Ghi chú		
		18/4/2025		21/4/2025		22/4/2025		23/4/2025		24/4/2025		Tổng số (buổi)	Có phép (buổi)	Không phép (buổi)		CQ	CN	
		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều							
6	Bảo hiểm xã hội tỉnh																	
	Đỗ Lê Phương Thảo									P		1	1	0		1		
7	Sở Tư pháp																	
	Trần Kỳ Toàn							P	P			2	2	0			2	
8	Công an tỉnh																	
	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (PC06)																	
	Dương Văn Khon																	
	Đoàn Thị Ánh Hồng																	
	Lê Văn Liệt																	
	Trần Minh Lý																	
	Ngô Thanh Tùng																	
	Tạ Thanh Sang																	
	Nguyễn Hoàng Minh																	
	Phòng Hồ sơ nghiệp vụ (PV06)																	
	Nguyễn Bá Vạn																	
	Trần Xuân Sơn																	
	Nguyễn Phương Trinh																	
	Phòng Cảnh sát giao thông (PC08)																	
	Huỳnh Thanh Tâm																	
	Văn Xuân Thọ																	
	Nguyễn Thị Thu Thủy																	
	Phạm Hoàng Thuận																	
	9	Sở Y tế																
		Phan Thị Mỹ Hạnh																
Nguyễn Trung Dũng																		
10	Sở Nội vụ																	
	Lê Minh Toàn										P	1	1	0		1		

STT	Họ và tên	Thứ 6 18/4/2025		Thứ 2 21/4/2025		Thứ 3 22/4/2025		Thứ 4 23/4/2025		Thứ 5 24/4/2025		Ngày nghỉ			Đi trễ	Ghi chú	
		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Tổng số (buổi)	Có phép (buổi)	Không phép (buổi)		CQ	CN
11	Sở Giáo dục và Đào tạo																
	Lê Thanh Phong																
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch																
	Lê Bé Thảo																
13	Sở Công thương																
	Lư Thị Bích Tuyền																
Tổng cộng:												10	10	0	0	3	7

Người lập bảng



Trần Phú Quý



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Hùng